TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
ngày: 19/9/2019
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa

- Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: không.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị K**, sinh năm 1970 *(có mặt)*;

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1961 *(có mặt)*;

Cùng cư trú: Ấp 11A, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày và yêu cầu như sau*:

Bà K và ông Lê Tấn Đ chung sống với như vợ chồng năm 1991 đến nay không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là ông Đ không lo làm ăn để nuôi con, mỗi lần vợ chồng bất hòa nhau thì ông Đ thách thức bà làm đơn ly hôn, nếu không thì ông hâm dọa nên bà thấy từng tuổi này mà vợ chồng sống với nhau ông Đ không chia sẽ tình cảm với bà mà dùng nhiều lời nói xúc phạm đến bà nên bà K không thể

tiếp tục chung sống với ông Đ được nữa, bà K làm đơn khởi kiện yêu câu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 đứa con chung tên Lê Thanh Tiền, sinh năm 1992 và Lê Trường Giang, sinh năm 1998, hiện nay hai đứa con đã trường thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà K xác định không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Biên bản hòa giải ngày 06/9/2019 bị đơn Lê Tấn Đ trình bày*:**

Ông Đạt và bà Ky sống với nhau như vợ chồng năm 1991, đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là vợ chồng sống không hợp nhau, khi cự cải nhau bà Ky lớn tiếng, có tật nói nhiều, nói lặp đi lặp lại một việc, ghen tuông vô cớ nên ông có đánh bà Ky vài bạt tay, sống với nhau mà không tin tưởng nhau từ đó mất đi hạnh phúc. Về con chung, về tài sản chung đúng như bà Lê Thị Ky trình bày. Nay bà Ky yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Ky nêu ra. Về con 02 đứa con chung của đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung thì ông xác định không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa hôm nay:* Bà Lê Thị Ky và ông Lê Tấn Đạt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung, sửa đổi gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị K yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Tấn Đ. Khi bà K khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay ông Đ, cư trú tại ấp 11A, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 và cũng là vụ án thuộc thẩm quyền của cấp huyện và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2 Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, bà K và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng năm 1991 đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay bà K xin được ly hôn với ông Đ như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năn 2000 *(có hiệu lực ngày 01-01-2001)*, các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã có nhiều văn bản quy định hướng dẫn việc đăng ký kết hôn đối với

những trường hợp như của ông, bà trong thời gian hai năm *(từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003)*, nhưng cho đến nay khi có đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Ky thì hai người vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cụ thể là theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định 2014: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*. Do đó, trường hợp của bà K và ông Đ nêu trên thấy rằng; bà K và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 và không đăng ký kết hôn, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bà K yêu cầu được ly hôn với ông Đ, ông Đ cũng đồng ý ly hôn với bà K, nhưng theo quy định pháp luật đã được viện dẫn trên nên Tòa án không ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà K và ông Đ mà không công nhận hôn nhân giữa bà K và ông Đ là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị K và ông Lê Tấn Đ xác định có 02 đứa con chung tên Lê Thanh Tiền, sinh năm 1992 và Lê Trường Giang, sinh năm 1998, hiện nay 02 đứa con của bà K và ông Đ đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, bà K và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông Đ xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn thep quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. **Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận bà Lê Thị K và ông Lê Tấn Đ là vợ chồng.

[2]. **Về con chung**: Bà K và ông Đ xác định có 02 đứa con chung tên Lê Thanh Tiền, sinh năm 1992 và Lê Trường Giang, sinh năm 1998, hiện nay 02

đứa con của bà K và ông Đ đã trưởng thành tự lao động sinh sống, bà K và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] **Về tài sản và nợ chung**: Bà K và ông Đ xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4]. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc bà Lê Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm đã nộp theo biên lai thu số 0006457 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Bà K đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. **Về quyền kháng cáo**: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/9/2019.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS, VP;

Lê Mỹ Huê